

Số: **122** /BC-BTTTTHà Nội, ngày **19** tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO TỔNG KẾT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 11/2014/QĐ-TTg CỦA
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Ngày 27/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/1/2014 về việc tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt nam. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ quản, Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) tổng hợp, báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/1/2014 về việc tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÓM TẮT QUYẾT ĐỊNH SỐ 11/2014/QĐ-TTg

I. NỘI DUNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 11/2014/QĐ-TTg

1. Bối cảnh ban hành Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg

Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (Quỹ) được thành lập theo Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg ngày 08/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ. Quỹ được thành lập để hỗ trợ thực hiện chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên phạm vi cả nước. Từ năm 2005 đến năm 2010, Quỹ đã hoàn thành Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010 (Chương trình 74), góp phần đẩy nhanh việc phổ cập các dịch vụ viễn thông và Internet đến mọi người dân trên cả nước, mật độ điện thoại tại các vùng khó khăn theo đúng mục tiêu của Đảng và Nhà nước và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Sau 10 năm hoạt động, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 về việc tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt nam (sau đây gọi là Quyết định số 11). Quyết định số 11 thay thế các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ được quy định tại Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg.

2. Nội dung chính của Quyết định số 11

Quyết định 11 gồm 18 Điều, chia làm 5 Chương như sau:

- Chương 1 Quy định chung gồm 2 Điều (Điều 1 và Điều 2) quy định về Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng;
- Chương 2 Tổ chức của Quỹ gồm 5 Điều (từ Điều 3 đến Điều 7);
- Chương 3 Hoạt động của Quỹ gồm 4 Điều (từ Điều 8 đến Điều 11);
- Chương 4 Tổ chức thực hiện gồm 5 Điều (từ Điều 12 đến Điều 16);
- Chương 5 Điều khoản thi hành gồm 2 Điều (Điều 17 và Điều 18).

Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Bộ Thông tin và truyền thông, được thành lập để thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên phạm vi cả nước. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ mở tài khoản tại ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước. Trụ sở chính của Quỹ đặt tại thành phố Hà Nội.

Quỹ có nhiệm vụ chính là tiếp nhận đóng góp từ các doanh nghiệp viễn thông; viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác; hỗ trợ tài chính thông qua cấp phát kinh phí để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3. Một số nội dung của Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg

3.1 Về nguồn vốn của Quỹ

Quỹ không còn vốn điều lệ và thực hiện hoàn trả lại vốn điều lệ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Vốn hoạt động của Quỹ là nguồn thu đóng góp của doanh nghiệp viễn thông theo tỷ lệ phần trăm doanh thu các dịch vụ viễn thông trong Danh mục dịch vụ viễn thông phải đóng góp vào Quỹ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3.2 Về chức năng của Quỹ

Quỹ không còn thực hiện chức năng cho vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp viễn thông và Internet thực hiện đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông, Internet và các cơ sở vật chất khác phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Quỹ thực hiện chức năng quản lý tài chính để hỗ trợ kinh phí kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích cho việc triển khai thực hiện chính sách của nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3.3 Về nhiệm vụ và hoạt động của Quỹ

Quỹ không còn trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ về triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; tổ chức tuyển chọn, thẩm định các dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Quỹ tài trợ. Quỹ không được sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi không có nguồn gốc ngân

sách để mua trái phiếu Chính phủ. Theo Quyết định số 11, Quỹ thực hiện chức năng quản lý tài chính để hỗ trợ kinh phí kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích cho việc triển khai thực hiện chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và phối hợp với các đơn vị của Bộ TTTT quản lý, điều phối thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3.4 Về tổ chức quản lý và điều hành Quỹ

Quỹ không còn giữ bộ máy quản lý và điều hành gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và cơ quan điều hành Quỹ (bao gồm Giám đốc Quỹ, các Phó giám đốc Quỹ, các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ, chi nhánh của Quỹ). Quyết định số 11 quy định Quỹ có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

3.5 Về chế độ tài chính của Quỹ

Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg quy định Quỹ được hưởng chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước. Quyết định số 11 quy định chế độ tài chính của Quỹ, bao gồm cả lương, thưởng, phúc lợi thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động.

PHẦN THỨ 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 11/2014/QĐ-TTG

I. Công tác ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông

1.1 Với trách nhiệm là cơ quan chủ quản của Quỹ, Bộ TTTT đã xây dựng, ban hành Quyết định số 1528/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2014 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Theo đó, Quỹ có cơ cấu tổ chức gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và 04 Ban chuyên môn nghiệp vụ (Ban Tổ chức hành chính, Ban Tài chính kế toán, Ban Kế hoạch nghiệp vụ, Ban Kiểm soát nội bộ). Chế độ tài chính của Quỹ, bao gồm cả lương, thưởng, phúc lợi thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động.

1.2 Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện vai trò quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ

Bộ TTTT xây dựng, trình Thủ tướng chính phủ ban hành Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 (Chương trình), ban hành các Thông tư, văn bản hướng dẫn làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện Chương trình viễn thông công ích. Cụ thể:

a) Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016 hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

b) Thông tư số 09/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016 Quy định chi tiết danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng, giá cước, khung giá cước sử dụng

và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

c) Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT ngày 14/2/2020 về việc thay thế Thông tư 09/2006/TT-BTTTT;

d) Thông tư số 14/2020/TT-BTTTT ngày 08/7/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2006/TT-BTTTT;

đ) Các văn bản chỉ đạo điều hành.

Bộ TTTT giao vụ Quản lý doanh nghiệp và Vụ Kế hoạch - Tài chính tham mưu, thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ về việc thực hiện thu - chi tài chính cho Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và quản lý tài chính đối với hoạt động thường xuyên của Quỹ.

2. Bộ Tài chính

2.1 Hướng dẫn chế độ tài chính và công tác kế toán Quỹ

Bộ Tài chính đã xây dựng và ban hành Thông tư số 180/TT-BTC ngày 02/11/2016 quy định cơ chế tài chính để đảm bảo hoạt động thường xuyên và chi đầu tư cơ sở vật chất của Quỹ và Ban quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và chi cho hoạt động quản lý Chương trình viễn thông công ích.

2.2 Hướng dẫn doanh nghiệp viễn thông hạch toán, thu nộp các khoản đóng góp cho Quỹ

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 57/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 về việc hướng dẫn chế độ thu nộp, hạch toán các khoản đóng góp và Quỹ và việc chuyển giao tài sản hình thành từ kinh phí của Quỹ đến năm 2020 và Thông tư số 83/2019/TT-BTC ngày 21/11/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2016/TT-BTC. Đồng thời, Bộ Tài chính hướng dẫn Quỹ hoàn trả vốn điều lệ và thực hiện thanh tra, kiểm tra tài chính của Quỹ.

II. Về tình hình thực hiện các nội dung của Quyết định số 11

1. Tình hình thực hiện của Bộ Thông tin và Truyền thông

1.1 Phê duyệt kế hoạch thu và hỗ trợ tài chính của Quỹ

Hàng năm, Bộ TTTT phê duyệt kế hoạch thu đóng góp tài chính năm của các doanh nghiệp viễn thông căn cứ vào báo cáo tổng hợp từ Quỹ. Việc xây dựng Kế hoạch hoạt động tổng thể và kế hoạch năm để hỗ trợ tài chính, Bộ TTTT đã thực hiện từ năm 2020, sau khi có kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

1.2 Phê duyệt báo cáo quyết toán Quỹ

Hàng năm, Bộ TTTT phê duyệt báo cáo quyết toán phần kinh phí hoạt động của Quỹ. Đối với phần kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Bộ TTTT phê duyệt quyết toán theo từng dự án hoàn thành.

2. Tình hình thực hiện của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

2.1 Về tổ chức bộ máy

Cho đến nay, Quỹ có Giám đốc; 01 (một) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và 04 (bốn) Ban chuyên môn nghiệp vụ. Giám đốc Quỹ lãnh đạo, quản lý chung mọi hoạt động và công tác của Quỹ. Phó giám đốc giúp Giám đốc chỉ đạo, giải quyết một số lĩnh vực công tác của Quỹ theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nội dung công việc được phân công. Các Ban chuyên môn nghiệp vụ gồm: Ban Tổ chức hành chính, Ban Kế hoạch nghiệp vụ, Ban Tài chính kế toán và Ban Kiểm soát nội bộ.

2.2 Về thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

a) Thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận đóng góp từ các doanh nghiệp viễn thông:

Quỹ đã thực hiện rà soát, tổng hợp, lập kế hoạch thu các khoản đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông trình Bộ TTTT phê duyệt theo đúng quy định. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt của Bộ TTTT, Quỹ thực hiện thông báo kế hoạch đóng góp tài chính năm cho doanh nghiệp viễn thông, thực hiện xác nhận số liệu quyết toán thu, đơn đốc doanh nghiệp nộp các khoản đóng góp đảm bảo kịp thời, đầy đủ. Quỹ đã ban hành các quy trình nội bộ để triển khai thực hiện công tác thu các khoản đóng góp từ doanh nghiệp, như: Quy trình xây dựng kế hoạch thu đóng góp tài chính vào Quỹ; Quy trình triển khai thực hiện công tác thu các khoản đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông tại Ban Tài chính kế toán; Quy trình theo dõi và quản lý công nợ.

Theo Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg, Quỹ được thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông không quá 5% doanh thu dịch vụ viễn thông. Mức thu cụ thể theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trong giai đoạn 2016-2020, theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 (Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ), trong 03 năm đầu, Quỹ được thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông là 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

Căn cứ nhu cầu sử dụng vốn thực hiện chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Bộ TTTT đã trình Thủ tướng Chính phủ giảm mức đóng góp của doanh nghiệp xuống 0,7% doanh thu, áp dụng từ tháng 7/2018 đến hết năm 2019 (theo Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ); và năm 2020, trên cơ sở đề nghị của Bộ TTTT được Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chấp thuận, Quỹ không thực hiện thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông. Bình quân cho cả giai đoạn, từ năm 2016-2020 mức thu đóng góp của các doanh nghiệp chiếm 1,25% doanh thu của doanh nghiệp.

b) Chi hỗ trợ

Hàng năm, Quỹ lập và trình Bộ TTTT phê duyệt kế hoạch hỗ trợ tài chính sử dụng nguồn Quỹ dịch vụ viễn thông công ích. Quỹ đã thực hiện việc chi hỗ trợ kinh phí cho các dự án, hợp đồng đặt hàng để thực hiện theo nhiệm vụ đảm bảo

đúng đối tượng thụ hưởng, đạt được mục tiêu đề ra. Quỹ đã xây dựng các quy trình nội bộ để thực hiện việc chi hỗ trợ này.

c) Hoạt động quản lý tài chính nội bộ của Quỹ

Chế độ tài chính của Quỹ được Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2016/TT-BTC ngày 02/11/2016, bao gồm cả lương, thưởng, phúc lợi, thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm kinh phí hoạt động. Hàng năm, Quỹ lập dự toán thu - chi trình Bộ TTTT phê duyệt để làm căn cứ thực hiện trong năm và quyết toán cuối năm.

d) Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí của Quỹ

Hàng năm, Quỹ tổ chức các đoàn kiểm tra giám sát trước, trong và sau khi thực hiện dự án, hợp đồng đặt hàng để đảm bảo nguồn tiền của Quỹ chi đúng và hiệu quả.

e) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Đối với các doanh nghiệp có nợ đọng kéo dài, Quỹ đã chủ động báo cáo, kiến nghị lên Bộ TTTT.

2.3 Về thực hiện chế độ báo cáo

Quỹ thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo như quy định của Quyết định số 11 và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Cụ thể, Quỹ báo cáo về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ với Bộ TTTT; báo cáo với các cơ quan kiểm toán, thanh tra, thuế.

3. Các doanh nghiệp viễn thông

Các doanh nghiệp viễn thông gửi kế hoạch đóng góp hàng năm về Quỹ; thực hiện nộp các khoản đóng góp tài chính cho Quỹ theo đúng xác nhận đóng góp tài chính giữa Quỹ và các doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sử dụng kinh phí được Quỹ hỗ trợ cũng thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, đảm bảo hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.

4. Sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương

Trong quá trình thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ TTTT đã ban hành một số văn bản chỉ đạo, điều hành về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, trong đó có một số văn bản liên quan trực tiếp đến việc điều hành và quản lý tài chính của Chương trình.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

1.1 Về nhiệm vụ thu của Quỹ

Trong quá trình thực hiện Quyết định số 11 và Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, công tác xây dựng kế hoạch thu đóng góp

tài chính hàng năm đã được Bộ TTTT chú trọng, giao kế hoạch đóng góp sát với tình hình thực tế kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông. Bộ TTTT thường xuyên đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

Bộ TTTT đã báo cáo, đề nghị điều chỉnh giảm mức thu đóng góp của các doanh nghiệp để phù hợp với nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình.

Quỹ đã tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ thu đóng góp cho Chương trình. Đánh giá đến hết Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông đến năm 2020, 58/58 doanh nghiệp thuộc đối tượng đóng góp tài chính cho Quỹ đã hoàn thành việc xác nhận nhiệm vụ đóng góp tài chính với Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam. Tổng số tiền các doanh nghiệp phải đóng góp Quỹ là 8.207,8 tỷ đồng. Quỹ đã thu được tổng số tiền là 8.182,3 tỷ đồng, đạt 99,7% so với dự toán; bằng 112% so với quy mô tài chính của Chương trình.

Đạt kết quả nêu trên, cho thấy công tác quản lý thu và việc chấp hành của các doanh nghiệp viễn thông trong thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam về cơ bản là tốt.

1.2 Về các nhiệm vụ chi

a) Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

- Tổng kinh phí được phê duyệt của Chương trình là: 7.300 tỷ đồng. Đến năm 2020, theo kết quả thực hiện Chương trình đã nêu trên, kinh phí phải chi thực hiện Chương trình dự kiến theo kết quả nghiệm thu khối lượng thực hiện là 1.595 tỷ đồng, đạt: 21,8% so với quy mô kinh phí của Chương trình (trong đó chi hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông và người sử dụng dịch vụ viễn thông công ích là 1.397 tỷ đồng);

- Về công tác xây dựng dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình:

Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình được quản lý xây dựng, phê duyệt đối với từng nhiệm vụ, dự án đầu tư. Các nội dung chi được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT, Thông tư số 09/2016/TT-BTTTT và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

- Về công tác nghiệm thu, xác định khối lượng hoàn thành:

Đến hết năm 2020, Quỹ đã hoàn thành nghiệm thu khối lượng thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và người sử dụng đối với 06 doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Đối với các dự án hỗ trợ đầu tư truyền hình số cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, Quỹ đã hoàn thành 9/9 dự án, đang tiếp tục thực hiện các thủ tục quyết toán. Có thể nói, công tác nghiệm thu, xác định giá trị khối lượng thực hiện Chương trình đến hết năm 2020, đến nay đã

cơ bản hoàn thành. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm so với yêu cầu, nhất là đối công tác hỗ trợ đầu tư truyền hình số cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Trên cơ sở giá trị khối lượng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đã giải ngân 1.092 tỷ đồng, đạt 68,5 % so với giá trị khối lượng nghiệm thu thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Về công tác quyết toán:

Hiện nay, Bộ TTTT đang triển khai công tác quyết toán thực hiện Chương trình đến hết năm 2020 để xác định số kinh phí đã hỗ trợ thực hiện Chương trình của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Chương trình đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; đóng góp tích cực cho việc thực hiện Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình đến năm 2020 thành công, giải phóng băng tần cho mục đích phát triển viễn thông trong thời gian tới; hỗ trợ phát triển các điểm truy nhập dịch vụ internet băng rộng công cộng đã góp phần vào việc phổ cập dịch vụ mới cho nhân dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, tạo điều kiện, làm tiền đề cho việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ trực tiếp công, thương mại điện tử của nhân dân trong thời gian tới ở các điểm này; hỗ trợ sử dụng dịch vụ Internet băng rộng cho gần 18 nghìn trường học, bệnh viện, góp phần tăng cường phổ cập dịch vụ internet học sinh ở các cơ sở giáo dục; hỗ trợ ngư dân sử dụng dịch vụ thông tin, liên lạc, tìm kiếm cứu nạn trên biển đã hỗ trợ phát triển kinh tế, bám biển cho ngư dân, qua đó góp phần giữ gìn chủ quyền biển đảo, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

b) Chi cho hoạt động quản lý Chương trình và hoạt động quản lý Quỹ:

Số liệu tổng thể về số chi hoạt động quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, chi hoạt động quản lý Quỹ bao gồm:

- Chi nhiệm vụ viễn thông công ích: 985.882.259.216 đồng;
- Chi hoạt động bộ máy của Quỹ và Ban QLCT: 198.777.000.000 đồng;
- Nộp ngân sách Nhà nước: 1.000.000.000 đồng;

Theo Quyết định số 11 thì chi hoạt động quản lý chương trình và hoạt động quản lý Quỹ tối đa không quá 5% số thu hàng năm mà các doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ. Thực tế cho thấy, số dự toán kinh phí hoạt động của Quỹ, Ban quản lý Chương trình chỉ chiếm khoảng 2,3% số thu hàng năm mà các doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ (số thu 8.182 tỷ đồng; chi hoạt động của Quỹ và Ban Quản lý chương trình: 189 tỷ đồng); số thực chi hoạt động của Quỹ, Ban quản lý Chương trình chỉ chiếm 2% số thu hàng năm mà các doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ (167 tỷ đồng).

c) Chi các nhiệm vụ khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 345.671.000.000 đồng.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, việc thực hiện Quyết định số 11 vẫn còn những hạn chế, tồn tại, cụ thể như sau:

2.1 Những hạn chế, tồn tại trong công tác xây dựng cơ chế, chính sách

a) Theo Quyết định số 11, chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động. Tuy nhiên, chưa có văn bản pháp lý quy định cơ chế tự chủ của Quỹ. Quỹ chưa được Bộ TTTT phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thiếu cơ sở để triển khai thực hiện tự chủ tài chính;

b) Bộ Tài chính chưa ban hành văn bản hướng dẫn công tác kế toán Quỹ theo quy định tại Điều 13, Quyết định số 11;

c) Về xây dựng, triển khai Chương trình

Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích các giai đoạn đặt ra nhiều mục tiêu, nhiệm vụ, bao quát đến nhiều đối tượng, địa bàn được phổ cập dịch vụ, trong đó có nhiều chính sách mới, lần đầu tiên thực hiện. Tuy nhiên, việc xây dựng Chương trình chưa dự báo được những khó khăn, diễn biến của tình hình thực tế về phát triển thị trường, nhu cầu sử dụng dịch vụ, sự phát triển công nghệ trong lĩnh vực viễn thông nên hạn chế về tính khả thi. Trong khi đó, công tác hướng dẫn, điều hành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình chậm thực hiện, chưa đồng bộ, thậm chí có nội dung còn chưa được hướng dẫn đầy đủ (như nhiệm vụ hỗ trợ phát triển hạ tầng); chưa giải quyết, kịp thời những khó khăn, bất cập xảy ra trong thực tế.

Trong hướng dẫn tham gia thực hiện Chương trình đối với các địa phương chưa sát tình hình thực tế, không đảm bảo hài hòa giữa trách nhiệm và điều kiện nguồn lực để đảm bảo thực hiện trách nhiệm của các địa phương, nên việc tham gia của các địa phương trong quản lý Chương trình rất hạn chế, nhất là công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình tại địa phương.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên, trước hết là công tác xây dựng chính sách và tổ chức triển khai thực hiện của Bộ TTTT chưa hợp lý; công tác tham mưu cho Bộ TTTT của các cơ quan được giao nhiệm vụ chưa tốt; có sự chông chéo về trách nhiệm giữa Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

2.2 Kết quả thực hiện Quyết định số 11 còn nhiều hạn chế

a) Quá trình tổ chức triển khai chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích còn nhiều vướng mắc, bất cập

- Quỹ là đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện thu từ nguồn huy động của

doanh nghiệp và quản lý tài chính để hỗ trợ kinh phí cho các Chương trình viễn thông công ích nhưng không phải là đơn vị trực tiếp tham mưu cho Bộ TTTT về các chính sách liên quan đến viễn thông công ích cũng như các vấn đề phát sinh của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

- Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí của Quỹ được quy định tại Quyết định số 11 nhưng không được quy định tại Quyết định số 1528/QĐ- BTTTT. Từ năm 2019, Bộ TTTT mới ban hành Kế hoạch kiểm tra giám sát để triển khai thực hiện;

- Bộ TTTT đến nay chưa phê duyệt Báo cáo quyết toán Quỹ đối với kinh phí thực hiện Chương trình như quy định tại Khoản 5 Điều 12 Quyết định số 11;

- Chưa quan tâm đúng mức đến công tác kế hoạch thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, thiếu tính tổng thể; triển khai Chương trình theo từng nhiệm vụ, phải xử lý nhiều tình huống phát sinh mang tính sự vụ;

- Công tác tham mưu của của các cơ quan thuộc Bộ TTTT chưa hiệu quả, chậm phát hiện, đề xuất xử lý những vấn đề bất cập nảy sinh. Có những nhiệm vụ trong 4 năm đầu gần như không phát sinh sản lượng dịch vụ viễn thông công ích (như nhiệm vụ: hỗ trợ hộ nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông di động), đến năm 2020 mới điều chỉnh cơ chế, khắc phục tồn tại thì đã là năm cuối của Chương trình;

- Một trong những nhiệm vụ lớn của Chương trình viễn thông công ích đến năm 2020 là hỗ trợ xây dựng hạ tầng viễn thông đến các xã còn trắng dịch vụ nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục lựa chọn chủ đầu tư nên việc lựa chọn chủ đầu tư còn lúng túng, kéo dài. Mặt khác, việc tổ chức rà soát và gom các nhiệm vụ theo địa bàn tỉnh thành các dự án hỗ trợ thiết lập hạ tầng có qui mô khu vực (nhằm tạo điều kiện cho các chủ đầu tư dự án dễ dàng triển khai các dự án hơn) đã nảy sinh vấn đề thay đổi thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở nên việc thẩm định kéo dài;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước của Bộ có liên quan đến triển khai thực hiện chính sách về viễn thông công ích còn hạn chế về hiệu quả trong công tác tham mưu. Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam còn chồng chéo nhiệm vụ, phối hợp chưa tốt nên xảy ra tình trạng có nhiều đầu mối triển khai thực hiện, điều phối Chương trình, dẫn đến chồng chéo; kéo dài việc thực hiện, hao phí nguồn lực, hiệu quả quản lý không cao;

c) Về phối hợp của các địa phương trong việc thực hiện chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Theo quy định, Sở TTTT có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho các doanh nghiệp triển khai tại địa phương; tuy nhiên

một số Sở thực hiện chưa kịp thời, chất lượng thông tin một số trường hợp chưa chưa đầy đủ, cần xác minh lại, dẫn đến kéo dài thời gian nghiệm thu, thanh, quyết toán thực hiện dự án hỗ trợ đầu tư truyền hình số;

d) Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán thực hiện Chương trình chậm so với quy định.

Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại nêu trên chủ yếu là do: công tác hướng dẫn cơ chế quản lý chưa kịp thời; việc hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan liên quan thuộc Bộ TTTT còn trùng lặp, phối hợp chưa tốt. Đối với các Sở TTTT gặp khó khăn về nhân lực, tài chính để tham gia quản lý thực hiện Chương trình tại địa phương.

2.3. Tồn tại, bất cập liên quan đến hoạt động của Quỹ

a) Về nội dung chi hỗ trợ tài chính

Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg quy định 09 nội dung chi hỗ trợ tài chính của Quỹ, những nội dung chi này gắn với nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020. Việc gắn nhiệm vụ chi của Quỹ vào một chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã kết thúc, không còn phù hợp đối với giai đoạn tới (khi mà định hướng chính sách, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của nhà nước sẽ có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế). Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung chi của Quỹ theo hướng “mở” để thích ứng với nhiệm vụ tài trợ thực hiện chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ.

b) Về nội dung sử dụng của Quỹ cho việc thực hiện chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Tương tự như trên, Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg đã quy định nội dung, phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ cụ thể cho từng nhiệm vụ. Trong khi đó, tùy từng thời kỳ, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng hưởng lợi và phương thức tài trợ cụ thể sẽ quy định Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung việc quy định nội dung, phương thức hỗ trợ tài chính theo hướng thực hiện theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để đảm bảo tính thích ứng, linh hoạt trong hoạt động của Quỹ.

c) Về chế độ tài chính đối với bộ máy quản lý Quỹ

- Chế độ tài chính của Quỹ thời gian qua được Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 3 và khoản 4, Điều 8 Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg:

“3. Hàng năm, Quỹ được trích một phần từ nguồn đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông để chi cho đầu tư cơ sở vật chất, hoạt động thường xuyên của Quỹ và cho hoạt động quản lý Chương trình viễn thông công ích. Mức trích cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, nhưng tối đa không quá 5% tổng

số doanh thu mà các doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ phải đóng góp vào Quỹ theo quy định.

4. Chế độ tài chính của Quỹ, bao gồm cả lương, thưởng, phúc lợi, thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm kinh phí hoạt động.”

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 180/2016/TT-BTC quy định cơ chế tài chính để đảm bảo hoạt động thường xuyên và chi đầu tư cơ sở vật chất của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và chi cho hoạt động quản lý Chương trình viễn thông công ích. Trong đó đã quy định:

+ Về mức chi tiền lương, tiền công: “Quỹ và Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích chi trả tiền lương, tiền công theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo quy định. Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, Quỹ và Ban Quản lý Chương trình tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị.”

+ Về xác định chênh lệch thu - chi: “Hàng năm, sau khi đã chi đầy đủ các khoản chi để hoàn thành nhiệm vụ được giao và bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chưa hoàn thành phải chuyển sang năm sau thực hiện quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này; phần chênh lệch thu lớn hơn chi được xác định là số chênh lệch thu lớn hơn chi của Quỹ và của Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích”.

+ Chênh lệch thu, chi sau khi trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ được “Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;”

Những bất cập:

+ Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước nhưng Quỹ không có vốn điều lệ; hoạt động của Quỹ hiện nay chủ yếu là thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao về tiếp nhận, tài trợ thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của Nhà nước; quỹ không có nguồn thu từ hoạt động dịch vụ. Với hoạt động nêu trên, việc xác định chênh lệch thu - chi để làm căn cứ xác định thu nhập tăng thêm của Quỹ gặp rất nhiều khó khăn. Hàng năm, Bộ TTTT giao nhiệm vụ và dự toán chi cho Quỹ thực hiện, nhưng nhiệm vụ của Quỹ lại phụ thuộc vào tình hình thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng năm, không ổn định; nên cơ sở hình thành khoản chênh lệch thu - chi phụ thuộc vào việc giao nhiệm vụ, chất lượng lập dự toán, xác định khối lượng nhiệm vụ thực hiện; rất khó lượng hóa, đánh giá khối lượng nhiệm vụ hoàn thành hoặc hoàn thành một phần để xác định chênh lệch thu - chi trong năm và nguồn phải chuyển tiếp nguồn sang năm sau theo quy định. Trên thực tế, thu nhập của cán bộ của Quỹ bình quân trong 3 năm gần nhất, đạt mức tăng thêm 0,6 lần;

- Kinh phí đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ được quy định trích tối đa 5% nguồn đóng góp hàng năm của doanh nghiệp, nên trong những năm Quỹ tập trung cho công tác làm quyết toán, không thu đóng góp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (như trường hợp dừng thu đóng góp năm 2020 để hỗ trợ các doanh nghiệp) thì không có nguồn thu để trích cho hoạt động quản lý. Trên thực tế, với quy mô chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2016-2020, việc sử dụng kinh phí cho quản lý Quỹ giai đoạn 2016-2020 chỉ vào khoảng 2,5% số thu đóng góp của doanh nghiệp viễn thông (chưa bao gồm chi thực hiện nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công do Quỹ và Ban quản lý Chương trình viễn thông công ích được giao trực tiếp thực hiện). Chi tiết như sau:

Số thực thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ là 8.182,3 tỷ đồng. Kinh phí hoạt động của Quỹ, Ban quản lý Chương trình được Bộ TTTT giao kế hoạch là 189,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,3% số thu hàng năm. Kinh phí hoạt động của Quỹ, Ban quản lý Chương trình được Bộ TTTT quyết toán (số thực chi) là 166,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2% số thu hàng năm.

Vì những lý do trên, việc sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ và cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ để đảm bảo cho Quỹ hoạt động ổn định, có hiệu quả, minh bạch, thuận tiện cho công tác quản lý nhà nước đối với Quỹ cũng như đảm bảo việc triển khai thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn tới là rất cần thiết.

IV. Những bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả và hạn chế, tồn tại trong việc xây dựng, triển khai thực hiện Quyết định số 11, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1. Về xây dựng cơ chế, chính sách

1.1 Khi xây dựng chính sách cần khảo sát kỹ thực tế, dự kiến được xu hướng phát triển đối tượng; lựa chọn, xác định mục tiêu, nhiệm vụ khả thi và cần phản ứng linh hoạt, kịp thời với các tác động đến Chính sách trong quá trình thực hiện;

1.2 Các nội dung về tổ chức, hoạt động và cơ chế chính sách về tài chính cần thống nhất và được hướng dẫn thông suốt để việc thực hiện được hiệu quả, thiết thực của cơ chế, chính sách;

1.3 Việc hướng dẫn, phân giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành phải đảm bảo phù hợp với khả năng và nguồn lực thực hiện.

1.4 Trong quá trình thực hiện chính sách cần tiếp thu ý kiến của đối tượng bị điều chỉnh để kịp thời điều chỉnh chính sách cho phù hợp.

2. Về tổ chức thực hiện

2.1 Bộ chủ quản cần phải phát huy tốt vai trò là cơ quan chủ trì trong công tác hướng dẫn, chỉ đạo, điều phối, phân công rõ trách nhiệm, kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ;

2.2 Cần sử dụng linh hoạt các công cụ và biện pháp quản lý để đảm bảo chủ động trong việc triển khai các cơ chế, chính sách;

2.3 Hoàn thiện bộ máy, phát huy trách nhiệm và nâng cao năng lực của các đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được giao; tránh việc không rõ trách nhiệm chủ trì hoặc trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị liên quan;

2.4 Đối với phương thức quản lý, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý để giảm lao động thủ công.

2.5 Chú trọng công tác tuyên truyền về chính sách nhằm cung cấp đầy đủ thông tin về chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho xã hội, đồng thời tạo được sự đồng thuận cũng như phản biện, giám sát của xã hội trong quá trình thực hiện.

PHẦN THỨ BA

ĐỊNH HƯỚNG VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM

Hiện nay, Quốc hội và Chính phủ đang rất quan tâm đến việc quản lý nhà nước về tổ chức hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Ngày 22/10/2019, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trong đó đã yêu cầu Chính phủ sớm nghiên cứu hình thành cơ sở pháp lý để thống nhất quản lý các quỹ này.

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mang lại những cơ hội lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Tuy nhiên, hiện vẫn tồn tại khoảng cách số giữa các vùng miền, giữa các nhóm dân cư. Trong điều kiện đất nước đang đẩy mạnh chuyển đổi số, vai trò điều tiết của Nhà nước trong lĩnh vực viễn thông thông qua chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là hết sức quan trọng nhằm thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền, gắn kết người dân với nền kinh tế số, xã hội số là hết sức cần thiết.

Để vừa đáp ứng với sự phát triển nhanh, mạnh và toàn diện của Cách mạng công nghiệp nói chung và viễn thông Việt Nam nói riêng; đồng thời tuân thủ các chính sách của nhà nước về quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách, tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam trong giai đoạn tới cần đảm bảo:

1. Phù hợp với sự phát triển của ngành Thông tin và Truyền thông, với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước.
2. Hoạt động đạt hiệu quả cao, tuân thủ đúng tôn chỉ, mục đích.
3. Có khả năng độc lập về tài chính.

4. Xác định mô hình bộ máy tổ chức và hoạt động phù hợp với định hướng quản lý của Nhà nước đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực hiện Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Bộ TTTT kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Các Vụ: TCCB, PC;
- Quỹ Dịch vụ VTCIVN;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Đức Long